

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**

Bản án số: 93/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 19-12-2017

V/v “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Nghĩa

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Phụng

Ông Nguyễn Thế Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Trà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Ma Quang Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 334/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2017 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 65/2017/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2017; Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2017/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1984 (có đơn xin xét xử vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ X, khu V, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1981 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ X, khu V, ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà N và ông Nguyễn Văn C tự nguyện chung sống cùng nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2016 thì giữa vợ chồng bà N bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều bất đồng về quan điểm và thường xuyên cãi vã lẫn nhau dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng luôn trong tình trạng căng thẳng. Do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng bà N đã sống ly thân từ cuối năm 2016 cho đến nay.

Bà N xác định mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với ông C.

Về con chung: Vợ chồng bà N, ông C có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/9/2016. Bà N yêu cầu được nuôi cháu L cho đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Bị đơn ông Nguyễn Văn C:** (vắng mặt)

- **Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:**

Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý và giải quyết vụ việc trên là đúng thẩm quyền; trong quá trình giải quyết Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, tuyên xử cho bà N được ly hôn với ông C đồng thời giao cháu Nguyễn Bảo L cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành và ông C không phải cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung, nợ chung bà N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ theo nội dung đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn bà Nguyễn Thị N cung cấp, xác định vụ việc giải quyết trên thuộc loại quan hệ về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Việc Tòa án nhân dân huyện Tân Thành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị N đã có đơn xin xét xử vắng mặt; đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn xét xử vụ án theo quy định.

[2] Nội dung giải quyết:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C tự nguyện kết hôn vào năm 2008 và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định. Do đó, hôn nhân của bà N và ông C là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà N chung sống với nhau hạnh phúc, cho đến cuối năm 2016 thì mới xảy ra mâu thuẫn. Theo bà N trình bày, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng có bất đồng về quan điểm nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã lẫn nhau. Mặc dù, đây chỉ là lời khai của một phía và không có sự xác nhận của ông C nhưng qua việc vợ chồng bà N sống ly thân là đã thể hiện trong cuộc sống chung của vợ chồng bà N đã có những mâu thuẫn nhất định.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành gửi thông báo thụ lý và các văn bản tố tụng cho ông C nhưng ông C vẫn không có ý kiến, đồng thời cũng không đến tham gia các buổi hòa giải tại Tòa án. Điều đó thể hiện mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N là có thật và ông C cũng không có thiện chí hàn gắn cuộc hôn nhân của mình.

Nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N, ông C đã đến mức trầm trọng và tình cảm không thể hàn gắn được. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của bà N, cho bà N và ông C được ly hôn là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng bà N có 01 con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/9/2016. Xét thấy cháu L hiện nay còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, do đó cần chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu L cho bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành là phù hợp.

Xét việc bà N không yêu cầu ông C phải cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện của bà N nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Bà N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82,, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn C được ly hôn.

- Về con chung: Bà N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 21/9/2016 cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Ông Nguyễn Văn C có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004686 ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thành. Như vậy, bà N đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (riêng đối với người vắng mặt thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tân Thành;
- TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Chi cục THADS huyện Tân Thành;
- UBND xã Tân Phước, huyện Tân Thành;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Minh Nghĩa